

**TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, THÁI ĐỘ VÀ NGUYỆN VỌNG
CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC, LÃNH ĐẠO CÁC CẤP Ở ĐỊA PHƯƠNG
ĐỐI VỚI CHỮ VIẾT CỦA NGƯỜI KHMER
(Trường hợp Tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh)**

NGUYỄN TÀI THÁI*

Abstracts: This paper aims to analyze the use of Khmer language as well as the needs and desires of the Khmer people for the Khmer speech and writing in Soc Trang and Tra Vinh provinces. The survey results show the diversity and flexibility in using the Khmer language. Language use differs depending on the purposes, audience and communication context. This finding highlights the flexibility in using language as well as the desires of Khmer people for preserving their own language. The views and suggestions of Khmer people and local authority leaders regarding the Khmer speech and writing could be used as an important basis for developing appropriate policies in popularizing and teaching Khmer language for Khmer people in particular and ethnic minorities in general.

Key words: *Language situation, language choice, ethnic minority, language conservation, Trà Vinh, Sóc Trăng.*

1. Mở đầu

Chữ viết của mỗi dân tộc thiểu số có vai trò quan trọng trong việc lưu giữ những giá trị văn hóa, lịch sử cũng như những sáng tác văn học nghệ thuật của dân tộc đó. Ngoài ra, chữ viết cũng giúp cho việc chuyển tải các thông tin, kiến thức liên quan đến những kinh nghiệm sản xuất, các chính sách của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc dạy và học tiếng nói, chữ viết đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này được thể hiện qua các văn bản như Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, Quyết định số 53/CP ngày 22/2/1980 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Luật Giáo dục sửa đổi và bổ sung năm 2009...

Có thể thấy, tiếng nói, chữ viết là những điểm quan trọng, là hồn cốt của mỗi dân tộc. Việc sử dụng tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam khá đa dạng. Tuy nhiên, trong xu hướng hội nhập và phát triển hiện nay, nhiều người dân tộc thiểu số đã quên tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Chính vì thế, những cuộc khảo sát, điều tra để tìm hiểu thực trạng việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số đã được thực hiện để có thể đưa ra đánh giá khách quan; qua đó có những biện pháp cũng như chính sách phù hợp để bảo tồn và phát huy tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc thiểu số. Những kết quả khảo sát về tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết sẽ cho thấy một bức tranh khái quát về hiện trạng của ngôn ngữ đó trong đời sống của người dân. Bài viết này sẽ tìm hiểu về tình hình sử dụng chữ viết cũng như thái độ,

* Viện Ngôn ngữ học.

nguyện vọng của người dân và lãnh đạo các cấp đối với việc bảo tồn và phát triển chữ viết dân tộc Khmer ở tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh. Những nội dung nghiên cứu sẽ được triển khai là:

Thứ nhất, những vấn đề chung về tiếng nói, chữ viết của dân tộc Khmer.

Thứ hai, tình hình sử dụng, năng lực ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ của người Khmer đối với tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

Thứ ba, mong muốn, nguyện vọng của người Khmer cũng như lãnh đạo các cấp đối với việc bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của người Khmer.

2. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tư liệu từ các cuộc điều tra, khảo sát tại tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng (tháng 11 năm 2020). Cách thu thập tư liệu được thực hiện qua các hình thức như: Điều tra xã hội học theo an-két; Phỏng vấn sâu; Tọa đàm khoa học ở các địa phương. Tổng số phiếu điều tra xã hội học là 300 phiếu. Các thông tin về tư liệu viên (TLV) cụ thể như sau:

- Về độ tuổi, từ 18 đến 35 có 93 TLV, chiếm 31%; từ 36 đến 55 có 160 người, chiếm 53,3%; từ 56 tuổi trở lên có 47 người, chiếm 15,7%.

- Về giới tính, số TLV là nam có 141 người, chiếm 47%; TLV là nữ có 159 người, chiếm 53%.

- Về trình độ học vấn, số TLV mù chữ là 69 người, chiếm 23%; học lớp xóa mù là 17 người, chiếm 5,7%; tiểu học là 135 người, chiếm 45%; trung học cơ sở là 33 người, chiếm 11%; THPT là 36 người, chiếm 12%; cao đẳng, đại học là 10 người, chiếm 3,3%.

- Về nghề nghiệp, số TLV là nông dân có số lượng nhiều nhất với 101 người, chiếm 33,7%; tiếp đến là những TLV là nội trợ với 77 người, chiếm 25,7%; công nhân có 57 người, chiếm 19%; buôn bán dịch vụ có 27 người, chiếm 9%; cán bộ nhà nước có 17 người, chiếm 5,7%; các nghề khác chiếm 6,9%.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong bài viết là:

- *Phương pháp nghiên cứu thực địa/ nghiên cứu điền dã*: Phương pháp này giúp chúng tôi thu thập tư liệu từ các nguồn khác nhau. Đây là cơ sở để giúp cho việc phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu mang tính khách quan.

- *Phương pháp phân tích định lượng*: Được sử dụng để định lượng và xử lý các dữ liệu thu được qua nghiên cứu thực địa. Chương trình xử lý số liệu SPSS sẽ được dùng để phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố xã hội với việc sử dụng ngôn ngữ.

- *Phương pháp phân tích định tính*: Kết quả của việc quan sát và phỏng vấn sâu sẽ được dùng để phân tích, luận giải những vấn đề liên quan đến tình hình sử dụng ngôn ngữ cũng như thái độ đối với ngôn ngữ và chữ viết của người Khmer.

3. Người Khmer và tiếng Khmer

Theo kết quả thống kê, dân tộc Khmer ở Việt Nam có hơn 1,3 triệu người, chiếm gần 1,4% tổng dân số cả nước. Người Khmer còn có các tên gọi khác là Cur, Cul, Cu Thỏ, Việt gốc Miên,

Khơ Me K'rôm; cư trú chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Kiên Giang, An Giang.

Tổ tiên của người Khmer ở Nam Bộ chính là những cư dân cổ ở Đông Nam Á sống tại khu vực hạ Lào hoặc Đông Bắc Campuchia hiện nay. Từ thế kỉ XII, nước biển rút dần làm cho những giồng đất cao màu mỡ ở các tỉnh như Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp... nổi lên đã thu hút những người dân Khmer đến đây sinh sống. Cho đến cuối thế kỉ XV, đầu thế kỉ XVI thì người Khmer đã tập trung khá nhiều ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long và tạo thành các vùng lớn là vùng Sóc Trăng - Bạc Liêu; vùng An Giang - Kiên Giang; vùng Trà Vinh.

Người Khmer phần lớn theo tín ngưỡng Phật giáo (phái Nam Tông). Những di sản đặc sắc trong văn hóa của người Khmer là nghệ thuật và kiến trúc chùa tháp. Từ lâu, chùa là nơi sinh hoạt văn hóa - xã hội của cộng đồng người Khmer. Do đó, có thể nói đời sống văn hóa của người Khmer gắn liền với các chùa.

Cũng như một số dân tộc thiểu số có chữ viết khác, người Khmer ở Trà Vinh và Sóc Trăng cũng có bộ chữ viết riêng của dân tộc mình. Chữ Khmer là hệ chữ viết ghi âm, do các nhà truyền giáo của phái Phật giáo Nam Tông dùng để viết kinh Phật. Chữ Khmer xuất phát từ chữ Pallava; đây là một biến thể của chữ Grantha vốn nguyên thủy là chữ Brahma ở Ấn Độ. Loại chữ viết này cùng nguồn gốc với tiếng Chăm và nhiều tiếng khác ở Đông Nam Á.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả khảo sát bằng phiếu điều tra xã hội học

4.1.1. Tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của người Khmer

a. Bối cảnh giao tiếp phi quy thức

Bối cảnh phi quy thức được hiểu là việc giao tiếp trong gia đình, giao tiếp với người trong thôn xóm, giao tiếp ở chợ... Ở môi trường giao tiếp này, các TLV thường ít chú ý đến tính quy thức của việc giao tiếp. Họ thường sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên nhất. Kết quả khảo sát việc sử dụng ngôn ngữ của người Khmer ở bối cảnh giao tiếp này được thể hiện như bảng dưới đây:

Bảng 1: Tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết trong giao tiếp phi quy thức

		Tiếng mẹ đẻ	Tiếng Việt	Tiếng MB và TV
Trong gia đình	với bố mẹ	93,3%	0%	6,7%
	với vợ/ chồng	71,0%	0%	18,0%
	với con	55,0%	0%	34,7%
Hàng xóm	cùng dân tộc	71,3%	2,0%	20,0%
	khác dân tộc	5,4%	86,8%	4,1%
Nơi công cộng	ở chợ	34,0%	8,7%	50,7%
	lễ hội	70,7%	2,7%	23,0%

Tỉ lệ ở bảng trên không thể hiện tổng 100% bởi lẽ có một số TLV không có câu trả lời trong phiếu khảo sát. Có thể rút ra một số nhận xét từ bảng kết quả khảo sát trên:

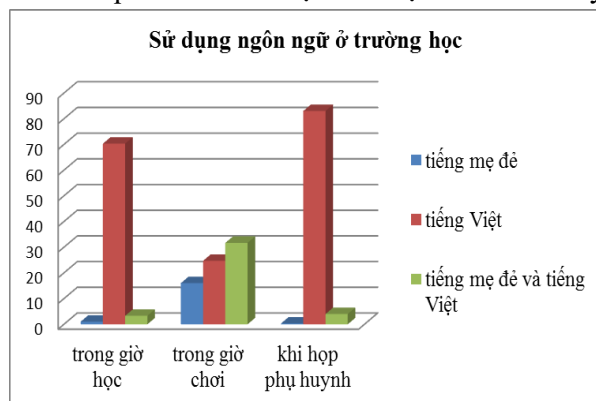
- Khi *giao tiếp ở gia đình* thì các TLV thường có xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ, đặc biệt là giao tiếp với cha mẹ, vợ hoặc chồng. Khi giao tiếp với con cái (hoặc những cặp vợ chồng trẻ) thì có sự khác nhau ở mỗi gia đình. Có một số gia đình sử dụng kết hợp tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông khi nói chuyện với con cái bởi họ mong muốn con cái có thể nói tiếng Việt tốt hơn. Đây cũng là lí do tại sao người trẻ có khả năng tiếng Việt tốt hơn người lớn tuổi. Trong bối cảnh giao tiếp này, kết quả khảo sát cho thấy không có TLV nào chỉ sử dụng tiếng Việt. Họ thường dùng kết hợp cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt.

- Trong *giao tiếp với hàng xóm* là những người cùng dân tộc, người Khmer thường sử dụng tiếng mẹ đẻ (71,3%). Việc chỉ sử dụng tiếng Việt hoặc kết hợp cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt rất hạn chế. Ngược lại, khi giao tiếp với hàng xóm là người khác dân tộc thì tỉ lệ chỉ dùng tiếng Việt khá cao (86,8%). Các TLV cho rằng, với người khác dân tộc mình hoặc chưa biết người giao tiếp với mình là người dân tộc nào thì dùng tiếng Việt là phù hợp nhất.

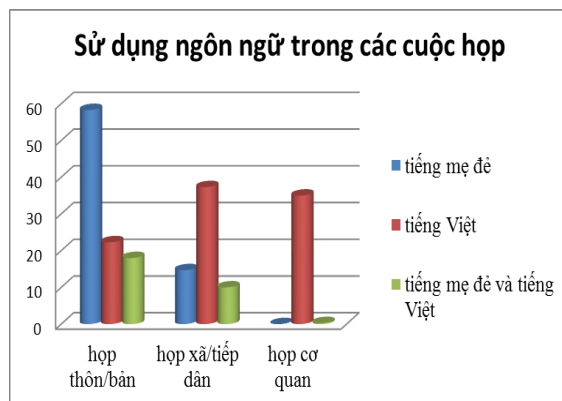
- Ở *nơi công cộng* như mua bán ở chợ hoặc tham gia lễ hội thì người Khmer sử dụng ngôn ngữ khá đa dạng. Khi đi chợ, tỉ lệ chỉ dùng tiếng mẹ đẻ hoặc chỉ dùng tiếng Việt không cao (34,0% chỉ dùng tiếng mẹ đẻ và 8,7% chỉ dùng tiếng Việt) trong khi đó có tới hơn 50% TLV dùng kết hợp cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Điều này có thể lí giải bởi vì ở chợ sẽ có nhiều người của các dân tộc khác nhau nên tùy theo đối tượng mà người Khmer có cách lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp. Nếu biết đó là người cùng dân tộc thì họ sẽ dùng tiếng mẹ đẻ, còn khi không chắc chắn là người dân tộc nào thì họ sử dụng tiếng Việt. Ngược lại, khi tham gia các lễ hội thì tiếng mẹ đẻ được sử dụng nhiều nhất (70,7%) trong khi đó tỉ lệ dùng tiếng Việt hoặc kết hợp cả tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ không cao. Các lễ hội thường là của những người cùng dân tộc; do đó việc các TLV sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp là hoàn toàn phù hợp. Nó không chỉ thể hiện sự gần gũi mà còn cho thấy tính cộng đồng và ý thức tự giác dân tộc khá rõ của người Khmer.

b. Bối cảnh giao tiếp quy thức

Giao tiếp quy thức được khảo sát là việc giao tiếp trong trường học hoặc các cơ quan, công sở. Kết quả khảo sát được thể hiện như dưới đây:



Biểu đồ 1: Tình hình sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp ở trường học



Biểu đồ 2: Tình hình sử dụng ngôn ngữ trong các cuộc họp

Kết quả thống kê ở Biểu đồ 1 cho thấy:

- Ở trường học, tỉ lệ sử dụng tiếng Việt cao hơn tiếng mẹ đẻ hoặc kết hợp tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt. Tuy nhiên, ở từng bối cảnh giao tiếp thì mức độ sử dụng ngôn ngữ có sự khác nhau. *Trong giờ học* có sự chênh lệch rất lớn đối với việc sử dụng tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ (70,3% sử dụng tiếng Việt so với 1% sử dụng tiếng mẹ đẻ và 3,3% sử dụng kết hợp giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ). Sở dĩ như vậy là vì tiếng Việt là ngôn ngữ giảng dạy chính thức trong trường học nên các TLV ý thức được việc dùng tiếng Việt trên lớp học. Mặt khác, không phải giáo viên nào cũng có thể hiểu tiếng mẹ đẻ của TLV nên việc dùng tiếng Việt là cách dễ dàng nhất có thể giao tiếp.

- Trong *giờ chơi*, việc dùng cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt lại có xu hướng áp đảo. Có 31,7% sử dụng kết hợp cả hai ngôn ngữ trong khi có 16% sử dụng tiếng mẹ đẻ và 24,7% dùng tiếng Việt. Các TLV khác không có ý kiến về vấn đề này có lẽ do họ không đi học. Kết quả này cho thấy ở môi trường giao tiếp quy thức là trường học thì TLV thường có ý thức sử dụng tiếng phổ thông nhiều hơn. Có lẽ vì trường học là nơi có nhiều người ở các dân tộc khác nhau nên nếu chỉ dùng tiếng mẹ đẻ của dân tộc mình thì người dân tộc khác sẽ không hiểu được.

- Khi *họp phụ huynh*, đây là sự tương tác giữa giáo viên và phụ huynh nên có tình trạng tiếng Việt được sử dụng cao nhất với 83,0% trong khi chỉ có 4,0% sử dụng kết hợp hai ngôn ngữ; rất ít (0,3%) TLV dùng tiếng mẹ đẻ trong bối cảnh giao tiếp này. Kết quả này cũng phản ánh đúng thực tế là giáo viên ở các trường học phần lớn không biết tiếng Khmer nên việc giao tiếp giữa phụ huynh học sinh với giáo viên chỉ có thể sử dụng tiếng Việt.

Biểu đồ 2 cho chúng ta thấy:

- Trong *các cuộc họp tại thôn bản* thì tiếng mẹ đẻ được sử dụng với tỉ lệ cao hơn hẳn tiếng Việt (58,3% sử dụng tiếng mẹ đẻ so với 22,3% sử dụng tiếng Việt). Ở đây, tỉ lệ sử dụng xen kẽ giữa tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ là 18,0%. Kết quả này có thể giải thích được vì ở thôn/ bản, người dân chủ yếu là những người cùng dân tộc nên đa số mọi người sử dụng ngôn ngữ gần gũi nhất với mình. Tuy nhiên, một số nội dung cần thông báo bằng tiếng Việt thì tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng.

- Trong *các cuộc họp/ tiếp dân ở xã* thì tiếng Việt được sử dụng nhiều hơn với tỉ lệ tăng dần là tiếng Việt (37,3%), tiếng mẹ đẻ (14,7%), kết hợp cả tiếng mẹ đẻ và tiếng Việt (10%). Điều này cũng là đương nhiên bởi khi giao tiếp ở xã thì không phải tất cả cùng dân tộc với nhau nên việc lựa chọn tiếng Việt sẽ là ưu tiên hàng đầu. Các TLV cũng cho rằng, nếu gặp người cùng dân tộc mình thì sẽ dùng tiếng mẹ đẻ (hoặc kết hợp với tiếng Việt), còn bình thường thì sẽ nói bằng tiếng phổ thông.

Khi giao tiếp ở công sở, nơi làm việc thì tình hình sử dụng ngôn ngữ cũng có sự khác biệt. Tùy thuộc người giao tiếp là dân tộc nào mà các TLV có cách lựa chọn ngôn ngữ phù hợp. Kết quả khảo sát cho thấy khi giao tiếp với đồng nghiệp cùng dân tộc thì người Khmer có xu hướng

sử dụng tiếng mẹ đẻ nhiều hơn (52,7%). Tỷ lệ dùng tiếng Việt hoặc kết hợp cả hai ngôn ngữ rất ít (13,0%). Ngược lại khi giao tiếp với đồng nghiệp là người khác dân tộc thì tiếng Việt là ngôn ngữ duy nhất được sử dụng. Như vậy, một lần nữa, kết quả điều tra phản ánh một thực tế là việc lựa chọn ngôn ngữ sử dụng bị chi phối bởi nhân tố đối tượng tham gia giao tiếp. Với người cùng dân tộc thì tiếng mẹ đẻ được ưu tiên sử dụng còn với người khác dân tộc thì tiếng Việt chiếm ưu thế.

4.1.2. Thái độ đối với ngôn ngữ, chữ viết của người Khmer

a. Thái độ đối với việc phổ biến tiếng dân tộc mình

Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù có đến 56,0% TLV cho rằng việc *học tiếng phổ thông quan trọng hơn học tiếng dân tộc mình* bởi các cơ hội tìm kiếm việc làm nhiều hơn hoặc phục vụ cuộc sống tốt hơn nhưng nhu cầu phổ biến tiếng mẹ đẻ của người Khmer cũng khá cao. Đa số TLV ở các điểm khảo sát cho rằng người Khmer *Cần biết nói tiếng của dân tộc mình* (97%). Tỷ lệ này là rất cao, cho thấy người dân rất ý thức về việc có thể nghe - nói được tiếng mẹ đẻ. Lý do được các TLV đưa ra là để *bảo tồn tiếng nói của cha ông*. Có lẽ vì lý do này mà hầu hết người Khmer luôn sử dụng tiếng mẹ đẻ khi có điều kiện.

Đối với việc *Cần biết đọc và biết viết* tiếng dân tộc mình thì kết quả thấp hơn. Ý kiến cho rằng người dân tộc mình *cần phải biết đọc tiếng dân tộc mình* chiếm 64,3%; trong khi đó có 5% cho rằng *không cần* và 30,7% *khó trả lời*. Về lý do cần biết đọc, các TLV đều cho rằng biết đọc có thể giúp *bảo tồn tiếng nói, ngôn ngữ và văn hóa của dân tộc mình* hoặc *người trẻ cần phải biết đọc chữ dân tộc mình*. Ngược lại, những người cho rằng không cần biết đọc thì giải thích họ đã biết tiếng Việt rồi, không cần đọc chữ khác nữa. Về việc biết chữ, có 61% TLV cho rằng người Khmer *cần biết chữ viết Khmer*; 5,7% cho rằng *không cần* và 33,3% *khó trả lời*. Lý do cần biết chữ cũng là để *bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc* hoặc *biết chữ sẽ hiểu thêm về dân tộc mình*; còn lý do *không cần biết chữ* là vì *khó viết, khó học*.

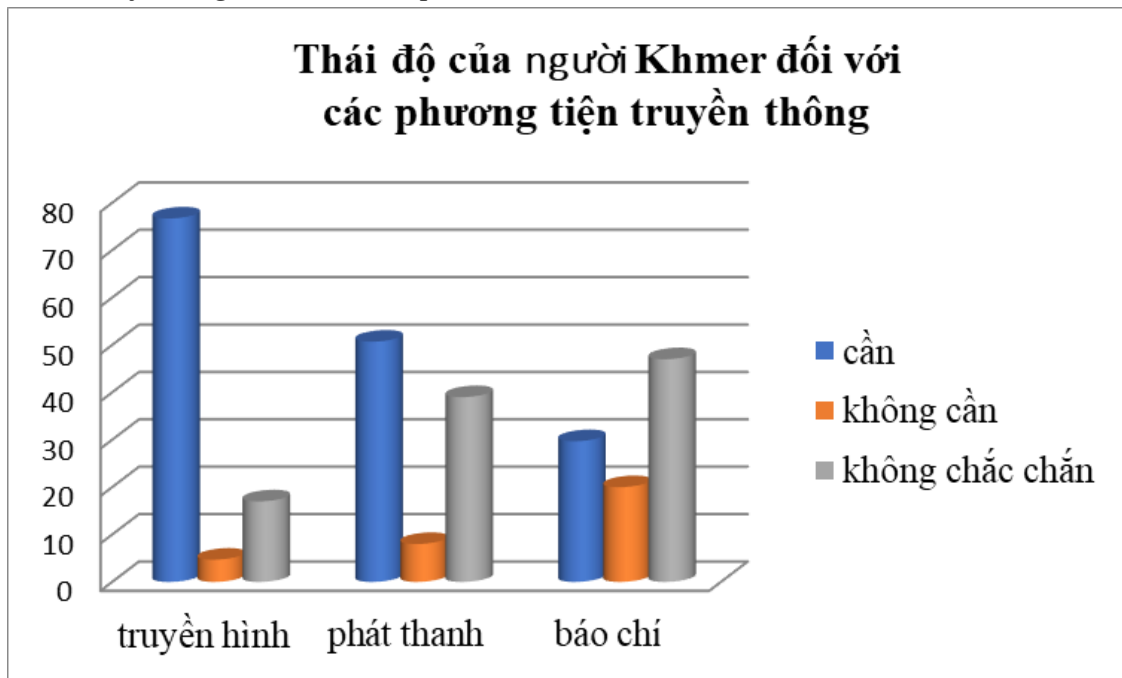
Tỷ lệ người Khmer thể hiện thái độ hài lòng với chữ viết của dân tộc mình không cao (20,7%), trong khi đó cũng có 26,7% cho rằng không hài lòng với chữ viết của họ. Có đến 52,6% nói rằng họ không biết bởi lẽ họ chưa từng học chữ Khmer. Những TLV không hài lòng với chữ viết của họ hầu hết đều khẳng định đây là chữ viết khó học, khó viết. Bên cạnh đó cũng có một số ý kiến cho rằng chữ viết hơi phức tạp, đôi khi khó hiểu. Lại cũng có một số TLV mong muốn có thể viết bằng chữ Latin, và bằng chứng là họ cũng nhắn tin, chat với bạn bè bằng tiếng Khmer nhưng theo phiên âm Latin.

Số lượng TLV thể hiện ý kiến sẽ đi học tiếng Khmer *nếu ở làng có mở lớp dạy đọc, dạy viết* ở mức trung bình (11% khẳng định có và 26,7% nói *sẽ đi nếu có thời gian*). Tỷ lệ khẳng định *không* đi học chiếm 30% và *có lẽ không* chiếm 32,3%. Như vậy có khá nhiều TLV chưa hoặc không sẵn sàng học chữ của họ. Rất nhiều lý do được đưa ra cho việc không học đọc, viết tiếng Khmer như *phải đi làm, khó học, không biết chữ tiếng Việt, người lớn tuổi khó học, không thú*

vị... Tuy nhiên một kết quả rất khác biệt là phần lớn TLV thể hiện ý kiến sẽ cho con cái của họ đi học tiếng Khmer (60,7%). Số còn lại cho rằng họ sẽ để con cái tự chọn. Thực tế hiện nay ở Trà Vinh và Sóc Trăng, có khá nhiều trẻ em ở lứa tuổi học sinh được học đọc, viết tiếng Khmer ở trường học hoặc các chùa vào dịp hè. Đây cũng là lí do vì sao tất cả TLV cho rằng học tiếng dân tộc khác đối với họ là không quan trọng. Cũng như vậy, việc học ngoại ngữ đối với họ cũng không cần thiết khi có tới 58,7% cho rằng không cần và 28% thể hiện thái độ không chắc chắn.

b. Thái độ đối với ngôn ngữ, chữ viết Khmer trên các phương tiện truyền thông

Kết quả khảo sát thái độ của TLV đối với việc có cần các phương tiện truyền thông bằng tiếng Khmer hay không được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ: Thái độ của người Khmer đối với các phương tiện truyền thông bằng tiếng mẹ đẻ

Có thể thấy, người Khmer đánh giá cao vai trò của các phương tiện truyền thông bằng tiếng mẹ đẻ đối với đời sống của họ. Nhu cầu cần có các phương tiện truyền thông bằng tiếng dân tộc mình khá cao. Đối với truyền hình có 76,7% cho rằng *cần* có chương trình truyền hình bằng tiếng dân tộc trong khi chỉ có 4,7% thể hiện ý kiến *không cần* và 17% *không chắc chắn*. Cũng như vậy, có 68% cho biết họ sẽ xem các chương trình truyền hình (nếu có) trong khi chỉ 5,3% cho biết họ sẽ không xem.

Với các chương trình phát thanh, 50,7% cho ý kiến *cần* có chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc; 8% cho ý kiến *không cần* và 39% *không chắc chắn*. Ở đây, tỉ lệ TLV nói sẽ nghe các chương trình phát thanh có tỉ lệ không cao (33,3%) trong khi có tới 56% nói *không chắc chắn* và 10% sẽ *không nghe*. Sở dĩ số người sẽ nghe thấp vì họ đã xem ti vi rồi hoặc gia đình không có radio. Những người già thích nghe radio hơn người trẻ.

Ngược lại, với báo chí thì tỉ lệ TLV cho rằng *không cần* hoặc *không chắc chắn* chiếm đa số. Chỉ có 29,7% cho rằng *cần* có báo bằng tiếng dân tộc mình; 47% *không chắc chắn* và 20% *không cần*. Số người cho biết sẽ đọc báo (nếu có) ở mức rất thấp (14,7%). Điều này là dễ hiểu bởi phần lớn người Khmer không đọc được báo bằng tiếng Khmer.

c. Thái độ đối với việc cần có chữ viết và giảng dạy chữ viết Khmer trong trường học

Phần lớn người Khmer đều cho biết *cần có chữ viết để bảo tồn văn hóa và tiếng nói của dân tộc*. Tỉ lệ đồng ý với nhận xét này là 74,3%. Tuy nhiên cũng có một số TLV *không chắc chắn* về vấn đề này.

Đối với việc dạy chữ viết trong các trường học, đa số ý kiến đều đồng tình với việc tiếng dân tộc mình *cần* được dạy trong trường học (68,3%). Có 1 số ý kiến *không chắc chắn* về việc này (27%) và tỉ lệ thấp TLV trả lời *không biết* hoặc *không cần*. Đây thường là những người không đi học hoặc người già. Thực tế tình hình dạy và học tiếng dân tộc trong trường học ở Trà Vinh và Sóc Trăng cũng cho thấy, tiếng dân tộc Khmer được giảng dạy như một môn học và học sinh rất hứng thú.

4.2. Kết quả từ các phỏng vấn sâu và các tọa đàm

Như đã trình bày, ngoài việc khảo sát bằng phiếu với bảng câu hỏi đối với đồng bào người dân tộc Khmer thì chúng tôi còn thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu, tọa đàm khoa học đối với những trí thức, những người có uy tín là người dân tộc Khmer cũng như một số lãnh đạo địa phương ở hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh về việc bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc ngôn ngữ, chữ viết của dân tộc Khmer. Một số kết quả có thể thấy như sau:

Thứ nhất, đánh giá về thực trạng tiếng Khmer ở địa phương

Kết quả phỏng vấn cho thấy tiếng Khmer được sử dụng phổ biến trong cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh và Sóc Trăng. Các phương tiện nghe nhìn như sách báo, tạp chí, chương trình phát thanh truyền hình bằng tiếng Khmer khá đa dạng. Cả hai tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng đều có nhật báo bằng tiếng Khmer với dung lượng là 8 trang. Ngoài ra còn có Tạp chí Văn hóa Khmer (Vappa tho Khmer). Các chương trình truyền hình như biểu diễn ca nhạc, văn hóa nghệ thuật, kịch, phim ... bằng tiếng Khmer.

Nhìn chung, người Khmer có thể hiểu được những nội dung chính, những vấn đề gần gũi với cuộc sống của họ bằng tiếng mẹ đẻ trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, một số chương trình phát thanh, truyền hình có sử dụng các từ ngữ Pali, Sanskrit hoặc các thuật ngữ mới vay mượn từ tiếng Việt liên quan đến các vấn đề như kinh tế - chính trị - xã hội thì mức độ hiểu của người dân lại có sự khác nhau. Một vấn đề nữa là số người Khmer biết chữ Khmer rất ít vì vậy việc đọc sách báo hầu như ít người có khả năng. Mặt khác, những trí thức am hiểu tiếng Khmer vẫn có ý kiến tranh luận đối với việc dùng từ ngữ hay các cách dịch từ tiếng Việt sang

tiếng Khmer trên các phương tiện thông tin đại chúng hiện nay. Về vấn đề này, một số ý kiến cho rằng việc dịch từ tiếng Việt sang tiếng Khmer vẫn còn nhiều vấn đề bàn cãi, có một số từ dịch chưa thật sự chính xác hoặc cũng có những từ không có từ tương đương trong hai ngôn ngữ nên phải giải thích. Chính điều này cũng ảnh hưởng đến việc hiểu nội dung trên các phương tiện truyền thông. Mặt khác, tiếng Khmer ở các vùng hiện nay vẫn có những khác biệt, do vậy cần có sự thống nhất tiếng Khmer trên phát thanh và truyền hình ở địa phương.

Thứ hai, việc dạy và học tiếng Khmer ở địa phương

Ở Trà Vinh và Sóc Trăng hiện nay có nhiều hình thức học tiếng Khmer, có thể học ở trường học từ tiểu học đến phổ thông trung học, các chùa, trường Đại học Trà Vinh, chương trình giảng dạy Phật học bằng tiếng Khmer. Mỗi chương trình đều có số lượng lớn người tham dự. Ngoài ra, còn có các chương trình đào tạo và cấp chứng chỉ tiếng Khmer cho cán bộ hoặc những người có nhu cầu.

Đánh giá về việc học tiếng Khmer ở địa phương, phần lớn các ý kiến đều cho rằng địa phương đã thực hiện khá tốt việc phổ biến tiếng Khmer cho người Khmer qua các hình thức dạy học. Mặc dù vậy, phần lớn các ý kiến cũng cho rằng kết quả thực tế dạy học tiếng Khmer ở địa phương vẫn chưa cao. Đa số các em chỉ học nghe nói chứ ít chú trọng đến việc viết chữ. Giải thích về vấn đề này, một giáo viên dạy tiếng Khmer ở Sóc Trăng cho biết: tiếng Khmer là một ngôn ngữ khá khó học. Để có thể đọc và viết được tiếng Khmer phải cần nhiều thời gian và sự kiên trì. Tiếng Khmer có nhiều phụ âm, nguyên âm và thanh điệu hơn tiếng Việt. Qua thực tế giảng dạy cho thấy nhiều em học sinh sau một thời gian học có thể nói tốt tiếng Khmer nhưng đọc và viết thì còn kém.

Thứ ba, các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc dạy và học tiếng Khmer ở địa phương

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách cũng như quan tâm đến việc bảo tồn và phát triển các ngôn ngữ dân tộc thiểu số, trong đó có việc dạy tiếng nói, chữ viết cho người dân ở các địa phương. Đối với tiếng Khmer, hiện cũng đã có nhiều chương trình và các chính sách của trung ương cũng như địa phương để bảo tồn văn hóa, đặc biệt là các hoạt động văn hóa có gắn với việc phát triển ngôn ngữ.

Các ý kiến cho rằng mặc dù hiện nay đã có các chương trình hỗ trợ kinh phí cho việc dạy và học tiếng Khmer ở các trường phổ thông nhưng đối với các chùa dạy tiếng Khmer thì kinh phí từ phía Nhà nước cấp chưa được đồng bộ. Nguồn kinh phí từ các chùa dành cho việc dạy tiếng Khmer chủ yếu là sự đóng góp của các nhà hảo tâm. Vì vậy, các đồng chí lãnh đạo địa phương cho rằng Nhà nước cần quan tâm hơn nữa để có thêm nguồn kinh phí cho việc dạy và học tiếng Khmer.

Một vấn đề bất cập đối với việc dạy và học tiếng Khmer hiện nay là liệu học tiếng Khmer thì có cơ hội xin việc làm hay không? Liên quan đến vấn đề này có ý kiến băn khoăn: “Hiện nay việc xét tuyển, quy chuẩn trình độ tiếng Khmer cũng có nhiều bất cập. Những giáo viên học

tiếng Khmer chỉ có thể làm việc ở vùng người Khmer. Do vậy, họ cần phải học thêm tiếng Anh để có thể phát triển hoặc đi làm ở nơi khác. Đây là lí do nhiều em học sinh sau một thời gian học tiếng Khmer đã bỏ và chuyển sang học tiếng Anh để sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học có thể lên thành phố xin việc làm”. Như vậy có thể thấy, muốn khuyến khích người dân học tiếng Khmer thì các chính sách cũng như tạo cơ hội tìm việc làm là một vấn đề cần quan tâm.

Thứ tư, nguyện vọng của cá nhân đối với việc bảo tồn và phát triển tiếng Khmer

Để bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết Khmer ở địa phương, các ý kiến đều mong muốn cần phải có những kế hoạch cũng như phải có sự đầu tư thỏa đáng. Trước hết, đối với các hoạt động văn hóa, các ý kiến cho rằng cần phải tổ chức nhiều hoạt động văn hóa nghệ thuật gắn với đời sống của người Khmer; đồng thời cũng phải có những đội văn nghệ chuyên nghiệp để có thể thường xuyên biểu diễn, có như vậy mới giúp người Khmer hiểu được văn hóa truyền thống của mình tốt hơn.

Đối với việc giảng dạy tiếng Khmer, nhiều ý kiến mong muốn đẩy mạnh hơn nữa việc dạy và học tiếng Khmer trong đồng bào người Khmer. Một số ý kiến cho rằng cần tăng cường việc dạy và học tiếng Khmer ở trường. Có thể giảm một số môn học không cần thiết và thay vào đó là học tiếng Khmer hoặc cũng có thể các trường học tạo ra các câu lạc bộ tiếng Khmer để học sinh có thể tham gia. Các ý kiến này hoàn toàn xác đáng bởi lẽ trường học là môi trường thuận tiện nhất để có thể giảng dạy tiếng Khmer. Ngoài ra, một số ý kiến khác cho rằng bên cạnh việc các trường học hoặc các chùa dạy tiếng Khmer thì gia đình cũng thường xuyên sử dụng tiếng Khmer trong giao tiếp hàng ngày để trẻ em sớm được tiếp xúc và làm quen với tiếng mẹ đẻ.

Với mong muốn tiếng Khmer được phổ biến trong cộng đồng người Khmer, một số ý kiến khẳng định: Để bảo tồn và phát huy tiếng nói chữ viết của người Khmer cần phải có nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến hơn nữa. Chẳng hạn các tên đường, tên xóm nên có cả chữ Việt lẫn chữ Khmer để người dân có thể nhìn và dần dần sẽ quen. Ngoài ra ở các xóm ấp cũng có thể duy trì việc dạy học chữ Khmer. Một số người dân buổi tối vẫn có thời gian tụ tập ở hàng xóm để nói chuyện; thay vào đó những người biết chữ Khmer có thể dạy cho người chưa biết; mỗi ngày một vài chữ, dần dần sẽ biết được chữ Khmer.

Bên cạnh việc dạy và học tiếng Khmer thì các đồng chí lãnh đạo địa phương cũng mong muốn các chương trình phát thanh, truyền hình cần có sự đổi mới, phong phú về nội dung và gần gũi với người dân; đặc biệt là có các chương trình văn nghệ bằng tiếng Khmer để tạo sự hứng khởi cho người dân. Bởi thực tế hiện nay nhiều chương trình bằng tiếng Khmer chủ yếu được dịch từ tiếng Việt nên người dân cho rằng các thông tin không mới; do đó ít quan tâm. Mặt khác, cần có những tờ rơi hoặc các tài liệu tuyên truyền bằng tiếng Khmer để bà con có thể dần dần tiếp xúc và học được từ đó.

5. Kiến nghị và kết luận

Từ những kết quả khảo sát, chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề sau:

Thứ nhất, việc phổ biến tiếng dân tộc Khmer qua các phương tiện thông tin đại chúng

Hiện nay ở các vùng có người Khmer sinh sống, các phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, phát thanh, báo chí bằng tiếng Khmer đã được quan tâm và phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng các phương tiện này cần phải được đổi mới, cải tiến theo hướng gần gũi với người dân hơn. Các chương trình phát thanh, truyền hình cần có những chương trình phù hợp như hướng dẫn kinh nghiệm sản xuất, các thông tin liên quan đến đời sống của người dân ở địa phương, các tiết mục văn hóa văn nghệ mang bản sắc của dân tộc. Mặt khác, cần phải xây dựng những chương trình mang tính riêng biệt; tránh việc dịch lại các chương trình bằng tiếng Việt đã được phát sóng. Ngoài ra, khung giờ của các chương trình cũng cần được cân nhắc bởi nếu thời gian phát sóng không phù hợp thì lượng người nghe/ xem sẽ rất ít. Một vấn đề nữa cũng cần phải xem xét là hiện nay khả năng đọc - viết chữ Khmer của người dân còn hạn chế nên cần khuyến khích việc sử dụng chữ viết Khmer trong đời sống hàng ngày như tên các biển hiệu, tên đường hoặc có những tờ rơi bằng cả hai loại chữ viết Khmer và tiếng Việt. Cũng có thể xuất bản những cuốn sách ghi lại những bài hát, bài thơ... của người Khmer để người dân có thể dễ dàng tiếp cận và làm quen trong việc học chữ viết Khmer.

Thứ hai, về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết Khmer

Qua việc tổng kết các ý kiến của các TLV cũng như trao đổi với các cấp lãnh đạo địa phương chúng tôi cho rằng các trường học cần xem tiếng Khmer như một môn học chính thức và có chế độ chính sách khuyến khích cả người dạy và người học; thường xuyên tổ chức các cuộc thi tiếng Khmer hoặc các hoạt động văn hóa, câu lạc bộ để học sinh có cơ hội tự học tập, rèn luyện nâng cao khả năng tiếng Khmer của mình. Các giáo viên tham gia giảng dạy tiếng Khmer ngoài việc được cấp thêm phụ cấp đứng lớp cũng cần được thường xuyên bồi dưỡng để nâng cao khả năng tiếng Khmer cũng như có các phương pháp mới tạo hứng thú cho học sinh trong quá trình giảng dạy. Bên cạnh đó, các chùa có chương trình dạy tiếng Khmer cũng cần được cấp kinh phí theo quy định để tạo điều kiện cho việc học tập và giảng dạy có hiệu quả hơn. Những sư tăng tham gia giảng dạy tiếng Khmer ở các chùa cũng cần được tập huấn về phương pháp, kỹ năng giống như giáo viên ở các trường học.

Để thu hút người dân tham gia học tiếng nói, chữ viết Khmer cũng cần phải có những chính sách ưu tiên phù hợp đối với họ. Chẳng hạn như ưu tiên trong việc tuyển dụng đối với những người có trình độ tiếng Khmer tốt, có chứng chỉ tiếng Khmer... Ngoài ra đối với những người dân tộc khác làm việc ở khu vực có đông đồng bào Khmer sinh sống cũng cần phải có trình độ tiếng Khmer ở một mức độ nhất định nào đó.

Thứ ba, về việc phổ biến tiếng Kinh trong cộng đồng người Khmer

Bên cạnh việc học tiếng mẹ đẻ thì việc học tiếng Việt (tiếng Kinh) cũng là một vấn đề cần được quan tâm đối với người Khmer. Phần lớn ý kiến thu thập được qua quá trình khảo sát cho thấy tiếng Việt cũng là ngôn ngữ quan trọng trong giao tiếp hàng ngày, vì thế việc phổ biến, dạy tiếng Việt là cần thiết; giúp cho việc giao lưu văn hoá, truyền bá kiến thức giữa các dân tộc với nhau dễ dàng hơn. Thực tế cho thấy nhiều người Khmer chỉ có thể nghe nói chứ không biết đọc, biết viết tiếng Việt. Đây là một trở ngại rất lớn trong đời sống nói chung. Mặt khác, thực tế cho thấy không phải tất cả học sinh tiểu học ở vùng dân tộc thiểu số đều có thể nói và viết được tiếng Việt; do vậy, việc dạy học bằng song ngữ có thể sẽ giúp nâng cao kết quả học tập cho học sinh. Tuy nhiên, việc dạy bằng song ngữ có thể chỉ triển khai ở các lớp học của bậc tiểu học.

Những kết quả khảo sát về tình hình sử dụng ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ của người Khmer ở tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng cho thấy tình trạng song ngữ của người Khmer ở đây khá cao. Phần lớn người Khmer có thể sử dụng cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày. Tuy nhiên, khả năng này mới chỉ dừng lại ở mức nghe nói chứ không phải chữ viết. Số TLV biết chữ viết tiếng mẹ đẻ cũng như tiếng Việt còn hạn chế. Cũng như vậy, khả năng biết tiếng của các dân tộc khác cũng không cao, cho thấy người Khmer ở Trà Vinh và Sóc Trăng có thái độ trung thành ngôn ngữ khá cao.

Tùy theo mục đích, đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp mà người Khmer có cách lựa chọn sử dụng ngôn ngữ khác nhau. Việc lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp cho thấy khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt của người dân. Đồng thời cũng cho thấy ý thức và thái độ ngôn ngữ của họ trong việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết. Bên cạnh đó, những kiến nghị, đề xuất của các TLV đối với vấn đề tiếng nói, chữ viết ở vùng dân tộc Khmer có thể được xem là những cơ sở quan trọng để có những chính sách phù hợp trong việc phổ biến, giảng dạy tiếng mẹ đẻ cũng như tiếng Việt đối với người Khmer nói riêng và người dân tộc thiểu số nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đinh Lư Giang, *Tình hình song ngữ Khmer - Việt tại ĐBSCL - một số vấn đề lý thuyết và thực tiễn*, Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học, 2011.
2. Nguyễn Thị Huệ, *Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Khmer tại Trà Vinh*, Tạp chí Khoa học, Số 9, Trường Đại học Cần Thơ, tr. 56-65, 2008.
3. Nguyễn Văn Khang (chủ nhiệm), *Tình hình sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số*, Đề tài Nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Quốc gia, 2021.
4. Hồ Xuân Mai, *Vài nét về tiếng Khmer Nam Bộ (Trường hợp ở tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh)*, Tạp chí Khoa học xã hội, Số 12, 2012.
5. Hoàng Quốc, *Thái độ ngôn ngữ của người Khmer ở An Giang*, Bản tin Trường Đại học An Giang; Số 3, tr. 16-19, 2014.
6. Thạch Văn Việt, *Thực trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ của người Khmer ở Sóc Trăng*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2020.